

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐỔI MỚI GIÁO DỤC STEAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐỔI MỚI GIÁO DỤC STEAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STEAM EDUCATION INNOVATION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: STEAMEDU

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110180316

**3. Ngày thành lập:** 14/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, tòa nhà MAC Plaza, Số 10, đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962027776

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                       | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                        | 4652     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ hoạt động đầu giá)                           | 8299     |
| 4.  | Giáo dục nhà trẻ<br>Chi tiết: Cơ sở giáo dục nhà trẻ tư thực<br>(Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan)   | 8511     |
| 5.  | Giáo dục mẫu giáo<br>Chi tiết: Cơ sở giáo dục mẫu giáo tư thực<br>(Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan) | 8512     |
| 6.  | Giáo dục tiểu học<br>(Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan)                                              | 8521     |
| 7.  | Giáo dục trung học cơ sở<br>(Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan)                                       | 8522     |
| 8.  | Giáo dục trung học phổ thông<br>(Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan)                                   | 8523     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Giáo dục thể thao và giải trí<br>(Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8551        |
| 10. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>(Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8552        |
| 11. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.<br>(loại trừ dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) | 8559(Chính) |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục<br>- Dịch vụ tư vấn du học<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                                                                                                    | 8560        |
| 13. | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Thiết lập website thương mại điện tử bán hàng<br>- Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử<br>- Hoạt động công nghệ phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6201        |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6202        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6209        |
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6311        |
| 17. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6312        |
| 18. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>-Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản<br>-Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản<br>(Trừ hoạt động tư vấn pháp luật) | 6820 |
| 20. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                   | 7212 |
| 21. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                 | 4791 |
| 22. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                | 4799 |
| 23. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                          | 5820 |
| 24. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4741 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>DUY LONG | T9-A12 Tòa nhà<br>Kinh Đô, 93 Lò<br>Đúc, Phường<br>Phạm Đình Hổ,<br>Quận Hai Bà<br>Trung, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 40.000        | 400.000.000              | 20,000       | 0300770283<br>58                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Tổng số                            | 40.000        | 400.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM ÁNH<br>NHẬT   | Số 78 ngõ 61<br>Nguyễn Văn Trỗi,<br>Phường Phương<br>Liệt, Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 5,000        | 0011890150<br>12                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                          |                           |        |             |        |              |
|---|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN XUÂN KIÊN  | Đội 7, Xã Tự Nhiên, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 | 001201010466 |
|   |                   |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 |              |
| 4 | HỒ THỊ PHƯƠNG HOA | P422 C10 Tập thể Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 40.000 | 400.000.000 | 20,000 | 001192030509 |
|   |                   |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Tổng số                   | 40.000 | 400.000.000 | 20,000 |              |
| 5 | NGUYỄN XUÂN THỊNH | Số 5/16 Nguyễn Công Hoan, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 | 040078078257 |
|   |                   |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                          | Tổng số                   | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 |              |

|   |                  |                                                                                                        |                           |        |             |       |              |
|---|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 6 | NGUYỄN XUÂN TÙNG | P107-C3 Khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 5,000 | 001092000885 |
|   |                  |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                                        | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 5,000 |              |
|   |                  |                                                                                                        |                           |        |             |       |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN DUY LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/01/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030077028358

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: T9-A12 Tòa nhà Kinh Đô, 93 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: T9-A12 Tòa nhà Kinh Đô, 93 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội